

VAI TRÒ CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN TRONG THỦ TỤC THỪA KẾ¹



Thông tin Tác giả chưa xác định

Công chứng viên là một nhân viên của Nhà nước, được giao một phần công quyền. Với chức năng đó, công chứng viên phải

tham gia giải quyết một thủ tục thừa kế. Với vai trò này, công chứng viên phải là người nắm rõ những vấn đề liên quan đến pháp luật về thừa kế. Sau đây là những lý do pháp lý chủ yếu giải thích vì sao những người thừa kế hoặc người được di tặng phải lập tức tiếp xúc với công chứng viên khi mở thủ tục thừa kế.

I. Những lý do chính của sự can thiệp của công chứng viên vào thủ tục thừa kế

1. Trước hết, việc thừa kế là cả một thủ tục phức tạp

Không phải cứ tuyên bố là người thân ruột thịt của người đã chết là có thể được công nhận quyền thừa kế. Người thừa kế phải chứng minh được tư cách là người thừa kế và phải yêu cầu công chứng viên lập một giấy chứng nhận theo lời khai của hai nhân chứng hoặc một biên bản kê khai. Chỉ khi nào khối tài sản thừa kế không lớn lắm, chẳng hạn như chỉ bao gồm bất động sản của người để lại di sản và tiền gửi ngân hàng thì mới có thể không cần đến văn bản công chứng. Trong trường hợp này, và với điều kiện là tình huống pháp lý thật đơn giản (chẳng hạn như khi không có chúc thư) thì có thể chỉ cần một giấy chứng nhận theo lời khai của nhân chứng hoặc một giấy chứng nhận quyền thừa kế do thị trưởng hoặc lục sự của tòa sơ thẩm thẩm quyền lập.

Ngược lại, nếu có một di chúc viết tay do người lập di chúc viết hoặc đọc cho người khác viết và di chúc này được trình cho công chứng viên để niêm phong và xác nhận trước sự chứng kiến của hai nhân chứng thì sau khi người lập di chúc chết, di chúc đó phải được trao lại cho công chứng viên. Khi đó, công chứng viên sẽ mở di chúc, lập biên bản về việc mở di chúc trong đó có ghi rõ hoàn cảnh nhận và mở di chúc. Tiếp đó, công chứng viên có nhiệm vụ lưu giữ

¹ Sử dụng hình ảnh trên trang translationsingapore.com (Civillawinfor)

di chúc và biên bản mở di chúc vào sổ các văn bản gốc của mình. Trong tháng diễn ra việc lập biên bản mở di chúc, công chứng viên có nghĩa vụ chuyển đến cho lục sự của tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng tại nơi mở thủ tục thừa kế bản sao (thường là bản photocopie) của biên bản nói trên và của di chúc.

Trong khi đó, kể từ Luật ngày 29 tháng 12 năm 1959, việc mở kết sắt tại ngân hàng (nếu có) không cần phải lập thành biên bản công chứng, trừ khi có bất đồng giữa những người thừa kế hoặc trong số những người thừa kế có người không có năng lực hành vi.

2. Các thủ tục cần thiết trong việc chuyển giao một số tài sản

Ngay cả trong những trường hợp thường gặp nhất, như khi tài sản thừa kế là bất động sản chẳng hạn, để những người thừa kế có thể trở thành chủ sở hữu của những tài sản đó đối với người thứ ba thì công chứng viên phải lập giấy chứng nhận quyền sở hữu bằng văn bản công chứng. Giấy chứng nhận này sẽ được công bố tại phòng quản lý bất động sản cầm cố.

Tương tự như vậy, khi sang tên giấy chứng nhận quyền sở hữu xe ô tô cho người thừa kế, công chứng viên phải lập một số giấy tờ chứng nhận. Các giấy tờ này cho phép chuyển giao quyền sở hữu xe và được chấp nhận rộng rãi trong thực tiễn hành chính và công chứng bởi vì đó là một thủ tục đơn giản và tiết kiệm.

3. Ý kiến tư vấn của công chứng viên về việc nhận hoặc từ chối thừa kế

Ngay sau khi mở thủ tục thừa kế, người thừa kế gặp phải rất nhiều vấn đề pháp lý và thuế. Công chứng viên có trách nhiệm giúp đỡ người thừa kế giải quyết những vấn đề này. Ví dụ như khi một số tài sản thừa kế có nguy cơ bị thất thoát, công chứng viên có thể tiến hành niêm phong những tài sản đó. Việc niêm phong tài sản cũng cần được tiến hành khi không biết ai là người thừa kế và phải đi tìm người đó.

Công chứng viên sẽ tư vấn cho người thừa kế về việc có nên nhận thừa kế hay không nhận thừa kế và nếu nhận thì nhận theo phương thức thức nào.

Sở dĩ như vậy là vì trong pháp luật Pháp, người thừa kế hợp pháp hoặc người được di tặng có thể chọn phương thức thừa kế, tức là chọn một trong ba cách sau:

a) Chấp nhận thừa kế một cách thuần túy

Phương thức này đôi khi có thể không có lợi cho người thừa kế, nhất là khi không biết mình sẽ được thừa kế những gì. Thật vậy, một khi đã chấp nhận thừa

kế một cách thuận tuý thì tức là người thừa kế đã cam kết thanh toán toàn bộ phần tài sản nợ của người để lại di sản, kể cả khi tài sản nợ lớn hơn tài sản có.

b) Chấp nhận thừa kế có điều kiện

Trong trường hợp này, người thừa kế đợi đến khi có kết quả kiểm kê tài sản có và tài sản nợ thì mới quyết định chấp nhận di sản thừa kế. Nếu chọn cách này, người thừa kế chỉ cam kết thanh toán tài sản nợ trong chừng mực của tài sản có. Khi đã kiểm kê xác định được di sản thừa kế thì người thừa kế cũng có thể lựa chọn cách chấp nhận thừa kế một cách thuận tuý nếu muốn. Phương thức này có ưu điểm đối với người thừa kế ở chỗ anh ta sẽ không phải thanh toán số tài sản nợ vượt quá phần tài sản có. Tuy nhiên, phương thức này đòi hỏi rất nhiều thủ tục phức tạp. Người thừa kế phải tuyên bố cách chấp nhận di sản thừa kế có điều kiện với phòng lục sự của tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng nơi mở thủ tục thừa kế. Tuyên bố này chỉ có hiệu quả khi trước hoặc sau đó việc kiểm kê tài sản thừa kế được tiến hành một cách trung thực, chính xác và hợp pháp. Nếu trong thời hạn 3 tháng kể từ khi mở thủ tục thừa kế mà người thừa kế không tiến hành kiểm kê tài sản thừa kế thì có thể buộc phải chấp nhận thừa kế một cách thuận tuý đối với các chủ nợ. Tương tự như vậy, nếu người thừa kế tẩu tán hoặc che giấu tài sản thừa kế thì sẽ mất quyền chấp nhận thừa kế có điều kiện. Trong phương thức chấp nhận thừa kế có điều kiện, tài sản của người để lại di sản và tài sản của người thừa kế được tách riêng trong khi trong phương thức chấp nhận thừa kế một cách thuận tuý thì hai tài sản đó được gộp làm một. Nếu chấp nhận thừa kế có điều kiện, chỉ những tài sản của người để lại di sản mới được dùng để thanh toán tài sản nợ còn những tài sản của người thừa kế vẫn được giữ nguyên vẹn.

Trong một số trường hợp, pháp luật quy định người thừa kế bắt buộc phải chấp nhận thừa kế có điều kiện, và công chứng viên có trách nhiệm nhắc nhở điều này cho người thừa kế, ví dụ như trường hợp người thừa kế đang ở tuổi vị thành niên hoặc bị mất năng lực hành vi. Người thừa kế thuộc trường hợp này chỉ có thể chấp nhận thừa kế một cách thuận tuý khi được phép của hội đồng quản lý giám hộ hoặc của thẩm phán phụ trách giám hộ bởi vì khi đó tài sản có rõ ràng lớn hơn tài sản nợ.

c) Từ chối thừa kế

Trong trường hợp việc thừa kế là bất lợi thì công chứng viên có thể khuyên người thừa kế từ chối thừa kế. Nếu là từ chối một cách thuận tuý thì người thừa kế cũng phải tuyên bố với phòng lục sự của tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng. Nếu

người thừa kế không từ chối quyền thừa kế của mình mà chỉ từ chối khối tài sản thừa kế thì không cần phải tuyên bố từ chối tại phòng lục sự mà có thể chỉ cần thể hiện bằng một văn bản công chứng là đủ.

Hiệu quả của việc từ chối thừa kế là tức thì, tức là người thừa kế lập tức không còn được coi là người thừa kế nữa. Cả tài sản có lẫn tài sản nợ của người để lại di sản không còn liên quan ràng buộc gì đối với người thừa kế nữa. Và vì không còn là người thừa kế, anh ta cũng không phải hoàn trả những tài sản mà người để lại di sản đã trao trước cho anh ta. Tuy nhiên, khi có người thừa kế thay thế, anh ta chỉ có thể giữ lại phần tài sản trao trước đó nếu như nó không vượt quá tỷ lệ quy định (tỷ lệ đó là 1/2 nếu người để lại di sản có 1 con, là 1/3 nếu người để lại di sản có 2 con và 3/4 nếu có 3 con hoặc nhiều hơn).

Quyết định từ chối thừa kế không được phép thay đổi, trừ trường hợp không có người khác chấp nhận thừa kế.

Ngoài ra, công chứng viên cũng phải nhắc nhở người thừa kế rằng nếu người thừa kế đã tẩu tán hoặc che giấu tài sản thừa kế thì cho dù có từ chối thừa kế, anh ta vẫn sẽ buộc bị coi là đã chấp nhận thừa kế một cách thuận tuý. Khi đó, anh ta có trách nhiệm thanh toán hết tài sản nợ, ngay cả khi tài sản nợ nhiều hơn tài sản có. Ngoài ra, người thừa kế còn phải chịu hình phạt bổ sung là không được nhận lại số tài sản đã che giấu (điều 792 Bộ luật dân sự).

Điểm cuối cùng cần lưu ý khi nói đến vấn đề chấp nhận hay không chấp nhận thừa kế, đó là người thừa kế có thể chọn phương thức thừa kế hoặc từ chối thừa kế trong thời hạn 30 năm. Nếu sau 30 năm mà người thừa kế vẫn không có quyết định chấp nhận hay từ chối thì sẽ mất quyền thừa kế, tức là bị coi như đã từ chối thừa kế.

4. Giai đoạn chưa chia tài sản thừa kế sau khi đã giải quyết quyền thừa kế

Khi có nhiều người cùng được thừa kế tài sản của người để lại di sản thì pháp luật quy định một giai đoạn sau khi giải quyết quyền thừa kế gọi là giai đoạn chưa chia tài sản thừa kế. Trong giai đoạn này, những người thừa kế đồng sở hữu tài sản thừa kế chưa chia.

Trong giai đoạn này, công chứng viên là người được uỷ quyền chịu trách nhiệm tiếp nhận tài sản có. Thậm chí, trong đa số trường hợp, chính công chứng viên là người có trách nhiệm tạm thời quản lý khối tài sản thừa kế.

Ví dụ như sau khi đã thu hồi tiền từ tài khoản ngân hàng về văn phòng công chứng hoặc sau khi đã thu tiền thuê nhà của nhà là tài sản thừa kế, công chứng

viên sẽ tiến hành thanh toán tài sản nợ. Cũng chính công chứng viên là người sẽ theo dõi để việc thu hồi một số khoản nợ thuộc tài sản thừa kế không bị hết thời hiệu. Ví dụ : thời hiệu thu tiền cho thuê nhà là 5 năm, thời hiệu thu các khoản nợ cho nhà nước hoặc các chính quyền địa phương vay là 4 năm, thời hiệu thu hồi các khoản đóng góp an sinh xã hội là 2 năm.

5. Giải quyết và chia tài sản thừa kế

Trước khi tiến hành chia tài sản thừa kế cho những người thừa kế theo nguyện vọng của họ, công chứng viên phải hoàn tất việc phân chia tài sản thừa kế trên giấy tờ và giải quyết xong các vấn đề kỹ thuật nảy sinh. Công chứng viên có thể giải quyết các vấn đề này theo thủ tục hòa giải hoặc theo uỷ quyền của cơ quan tư pháp. Ví dụ như khi những người thừa kế không nhất trí được với nhau, họ có thể yêu cầu chia tài sản thừa kế theo thủ tục tư pháp. Trong trường hợp này sẽ phải tiến hành bán đấu giá tài sản thừa kế và bóc thăm đối với những tài sản không bán được.

Sau khi đã phân chia xong tài sản thừa kế trên giấy tờ cho từng người thừa kế theo đúng quyền thừa kế của họ, công chứng viên sẽ phải làm các thủ tục thực hiện việc chia tài sản đến tay từng người, lập các giấy chứng nhận quyền sở hữu nếu cần thiết và làm các thủ tục công bố tình trạng bất động sản.

6. Khai báo tài sản thừa kế

Những người thừa kế có thể trực tiếp khai báo tài sản thừa kế với cơ quan thuế. Tuy nhiên, trong thực tế, việc khai báo tài sản thừa kế đặt ra nhiều vấn đề pháp lý phức tạp. Đó là lý do giải thích vì sao công chứng viên thường là người làm khai báo, trừ những tình huống thừa kế đơn giản đối với những tài sản vụn vặt. Khai báo tài sản thừa kế là bắt buộc khi tài sản thừa kế chưa đóng thuế vượt quá 100.000F. Khai báo này phải làm thành 2 bản.

Tờ khai tài sản thừa kế phải được nộp cho cơ quan thuế nơi cư trú của người để lại di sản trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày người để lại di sản chết nếu người để lại di sản chết trên lãnh thổ nước Pháp lục địa. Trong các trường hợp khác, thời hạn nộp tờ khai tài sản thừa kế là 12 tháng. Nếu hết thời hạn mà tờ khai không được nộp thì người thừa kế sẽ không được gia hạn thêm thời hạn đóng thuế. Điều đó có nghĩa là khi đã hết thời hạn, nếu tài sản thừa kế thuộc diện phải đóng thuế, bởi vì vợ hoặc chồng của người để lại di sản đã nhận được trên 500.000F hoặc vì mỗi người con của người để lại di sản đã nhận được trên 300.000F, thì những người thừa kế sẽ phải chịu hình phạt vì chậm

nộp tờ khai tài sản. Tuy nhiên, nếu họ có lý do chính đáng và trung thực thì cơ quan thuế có thể bãi bỏ hình phạt đối với họ.

Trong một số trường hợp, thời hạn 6 tháng hoặc một năm nói trên có thể được kéo dài thêm. Đó là trường hợp không biết ai là người thừa kế. Ví dụ : Một Việt kiều đã sang sinh sống tại Pháp được 25 năm. Ông ta kinh doanh nhà hàng và nhanh chóng trở nên giàu có, sở hữu một khối bất động sản có giá trị lớn nhưng vẫn sống độc thân. Một ngày kia ông ta đột ngột từ trần. Không ai biết người thừa kế của ông ta là ai. Trong trường hợp này, cần phải tiến hành tìm kiếm người thừa kế của ông ta ở Việt Nam hoặc ở một nước khác. Việc tìm kiếm đòi hỏi nhiều thời gian. Trong những trường hợp có thể xảy ra như thế, cơ quan thuế chấp nhận tính thời hạn khai báo tài sản thừa kế kể từ khi xác định được người thừa kế.

Nếu người để lại di sản đã kết hôn dưới chế độ hôn nhân chung tài sản hoàn toàn, thì khi người đó chết, toàn bộ số tài sản sẽ đương nhiên thuộc về người vợ hoặc chồng còn sống. Trong trường hợp này, người sống nhận được tài sản từ người để lại di sản vì chế độ hôn nhân chứ không phải vì được thừa kế tài sản và người ta coi rằng người để lại di sản không có tài sản thừa kế. Vì lý do đó, người vợ hoặc chồng còn sống không phải khai báo tài sản và không phải đóng thuế đối với tài sản mà người để lại di sản để lại.

Chúng ta có thể thấy qua phần trình bày trên vai trò hết sức quan trọng của công chứng viên khi giải quyết thủ tục thừa kế. Tuy nhiên, công chứng viên chỉ có thể hoàn thành tốt vai trò của mình khi có sự hợp tác của những người thừa kế. Thật vậy, trong thủ tục giải quyết thừa kế, công chứng viên chỉ có thể làm việc trên cơ sở các thông tin và tài liệu mà những người thừa kế cung cấp cho anh ta. Như vậy, nếu chẳng may những thông tin và tài liệu đó không chính xác hoặc không đầy đủ thì công việc của công chứng viên sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Chính vì thế, công chứng viên phải rất thận trọng và phải kiểm tra kỹ các thông tin được những người thừa kế cung cấp.

7. Tra cứu tại Trung tâm thông tin quốc gia về di chúc

Một trong những công việc quan trọng mà công chứng viên phải làm khi bắt đầu thủ tục thừa kế là tìm hiểu xem người để lại di sản có để lại di chúc hay cho tặng giữa vợ chồng hay không. Để làm được việc đó, công chứng viên phải hỏi Trung tâm thông tin quốc gia về di chúc đặt tại miền nam nước Pháp, gần thành phố AixenuProvence. Trong thực tiễn, việc tìm hiểu thông tin này được làm trước khi công chứng viên lập giấy chứng nhận theo lời khai của nhân

chứng. Công chứng viên phải đính thư trả lời của Trung tâm nêu trên vào tờ gốc của giấy chứng nhận theo lời khai của nhân chứng. Việc tìm hiểu thông tin này do chính công chứng viên làm. Nhưng vấn đề đặt ra là đôi khi có những chúc thư hoặc cho tặng giữa vợ chồng lại không được ghi nhận tại Trung tâm thông tin quốc gia về di chúc. Chính vì lẽ đó mà khi có khách hàng đến làm chúc thư, công chứng viên nên khuyên họ chấp thuận để công bố chúc thư đó cho Trung tâm biết. Làm được như vậy thì khi một công chứng viên giải quyết thủ tục thừa kế muốn biết có chúc thư hay không, chúc thư hiện đang do công chứng viên nào giữ thì chỉ cần hỏi Trung tâm rồi trực tiếp liên hệ với công chứng viên lưu giữ chúc thư.

II. Những thông tin quan trọng nhất cần cung cấp cho công chứng viên khi mở thủ tục thừa kế

Khi bắt đầu giải quyết một thủ tục thừa kế, trước tiên người ta phải xác định khuôn khổ thủ tục thừa kế. Để lập được biên bản về khuôn khổ thừa kế và để lấy chữ ký của những người làm chứng, công chứng viên cần phải thu thập được những giấy tờ sau đây:

- Giấy chứng tử;
- Sổ hộ khẩu gia đình của người để lại di sản;
- Khế ước hôn nhân và/hoặc giấy đăng ký kết hôn của người để lại di sản;
- Bản sao quyết định cho phép ly hôn hoặc ly thân, nếu có;
- Giấy khai sinh cho phép kiểm tra năng lực của người để lại di sản và bản ghi lại giấy ly hôn đính kèm với giấy khai sinh nếu người để lại di sản đã ly hôn. Điều này rất cần thiết để thủ tục thừa kế có hiệu lực đối với người thứ ba;
- Giấy tờ hộ tịch đầy đủ của những người thừa kế và giấy tờ chứng minh quan hệ giữa họ với người để lại di sản;
- Khế ước hôn nhân của những người thừa kế, nếu có;
- Giấy tờ cho tặng trước khi người để lại di sản chết, đặc biệt là những cho tặng cho vợ hoặc chồng còn sống;
- Di chúc;
- Những giấy phép đặt biệt khi có người thừa kế ở tuổi vị thành niên hoặc ở tuổi thành niên nhưng mất năng lực;

- *Danh sách các tài sản của người để lại di sản bao gồm động sản và bất động sản, danh sách các tài khoản ngân hàng thuộc sở hữu của người để lại di sản.*

Cần lưu ý rằng, ngay từ lần hẹn gặp đầu tiên, công chứng viên phải thảo luận với những người thừa kế về những vấn đề liên quan đến hồ sơ thừa kế:

- *Vấn đề có hay không có người không có năng lực hành vi trong số những người thừa kế?;*

- *Pháp luật của Pháp có thể áp dụng đối với tất cả những người thừa kế không? bởi vì các trường hợp thừa kế có yếu tố nước ngoài ngày càng nhiều;*

- *Có cần niêm phong tài sản thừa kế hay không?;*

- *Có vấn đề về quan hệ huyết thống giữa người để lại di sản với những người thừa kế hay không?: con riêng của vợ hoặc chồng, con nuôi ...;*

- *Có tình trạng tài sản chưa được phân chia trước khi người để lại di sản chết hay không? (Ví dụ: tài sản chung của người để lại di sản với vợ hoặc chồng cũ chưa được giải quyết chia sau ly hôn);*

- *Người để lại di sản, vợ hoặc chồng của người để lại di sản có ở trong tình trạng phục hồi doanh nghiệp hoặc thanh lý tài sản hay không?;*

- *Có vụ việc nào liên quan đến người để lại di sản đang được cơ quan tư pháp giải quyết hay không (ví dụ : ly hôn...)?;*

- *Người để lại di sản có thay đổi chế độ hôn nhân hay không? nếu có, chế độ hôn nhân trước kia đã được giải quyết chưa?.*

Sau khi đã thu thập được những thông tin nêu trên, công chứng viên đã có thể định phương hướng giải quyết hồ sơ và trên cơ sở những thông tin đó, giải quyết một số vấn đề kỹ thuật:

(i) Công chứng viên quyết định xem có cần tiến hành kiểm kê tài sản của người để lại di sản hay không sau khi cân nhắc đến những phí tổn cho công việc này;

(ii) Công chứng viên xem xét xem nên khuyên những người thừa kế nên chọn phương thức thừa kế nào?: thừa kế một cách thuần túy hay thừa kế có điều kiện vì tài sản nợ có thể nhiều hơn tài sản có?;

(iii) Những người thừa kế có nên từ chối thừa kế hay không?;

(iv) Trong trường hợp có cho tặng giữa vợ chồng, công chứng viên phải cân nhắc xem người vợ hoặc chồng của người để lại di sản nên chọn giải pháp nào

để có lợi nhất trên cơ sở có tính đến tuổi tác của người vợ hoặc chồng đó, đến việc có hay không có con riêng;

(v) Việc chia tài sản thừa kế nên tiến hành theo thủ tục hòa giải hay thủ tục tư pháp?;

(vi) Nếu sau khi ly hôn, người để lại di sản kết hôn lần nữa thì quyền lợi của những người vợ hoặc chồng trước và sau của người để lại di sản là như thế nào?

II. Bảng tổng kết tài sản của người để lại di sản

Sau khi đã lập giấy chứng nhận theo lời khai của nhân chứng và thu thập được những thông tin cần thiết, công chứng viên tiến hành tổng kết khối tài sản thừa kế. Để làm được điều này, tùy từng trường hợp cụ thể công chứng viên phải yêu cầu cung cấp những giấy tờ sau:

1. Bản sao các bản kê khai tài sản thừa kế, giấy chia tài sản thừa kế và giấy cho tặng tài sản của người để lại di sản lúc còn sống và của vợ hoặc chồng của người để lại di sản;
2. Giấy chứng nhận quyền ở hữu nhà và sản nghiệp thương mại của người để lại di sản và của vợ hoặc chồng của người để lại di sản;
3. Giấy tờ xác nhận tình trạng cơ sở vật chất và hàng hoá thuộc sản nghiệp thương mại và kinh doanh của người để lại di sản;
4. Giấy tờ về quyền sở hữu xe ô tô;
5. Giấy nộp bảo hiểm xã hội;
6. Danh sách các khoản cho tặng mà người để lại di sản đã thực hiện lúc còn sống cho con cái hoặc cho những người không có quyền thừa kế theo quy định của pháp luật;
7. Giấy tờ liên quan đến việc cho mượn bất động sản vào thời điểm đó;
8. Danh sách các tài khoản ngân hàng;
9. Những bảng tổng kết hoạt động kinh doanh gần nhất của doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu của người để lại di sản;
10. Các văn bản về thành lập công ty hoặc chuyển nhượng phần góp vốn;
11. Bản sao giấy chứng nhận cho vay, giấy ghi nợ;
12. Giấy chứng nhận quyền tác giả, nếu có;
13. Các hợp đồng thuê mượn;
14. Văn bằng sáng chế và văn bằng công nhận quyền sở hữu nhãn hiệu;
15. Sổ lương của người để lại di sản;
16. Đánh giá ban đầu về toàn bộ tài sản, bao gồm cả tài sản có lẫn tài sản nợ;
17. Nghề nghiệp của người để lại di sản;

18. *Tất cả các loại giấy tờ khai thuế của người để lại di sản trong những năm ngay trước năm chết (điều này cho phép tìm lại những khoản cho vay có lãi mà có thể không ai biết);*
19. *Những khoản trợ cấp của vợ hoặc chồng nợ người vợ hoặc chồng đã chết, điều này cho phép đánh giá được thật chính xác tài sản của mỗi người;*
20. *Các khoản nợ nần giữa vợ và chồng.*

Tất cả các thông tin trên đây sẽ cho phép thực hiện việc giải quyết thừa kế. Công chứng viên có trách nhiệm thu thập, tìm kiếm tất cả các giấy tờ tài liệu đó nếu như không được những người thừa kế cung cấp. Việc làm này có thể có ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của những người thừa kế.

III. Một số thể loại văn bản do công chứng viên soạn ra trong khuôn khổ thủ tục xử lý tài sản thừa kế

1. Trường hợp thứ nhất, thủ tục thừa kế là một thủ tục đơn giản và tài sản thừa kế được chuyển cho cho một người thừa kế duy nhất. Trong trường hợp này, các văn bản do công chứng viên lập ra không có nhiều:

- *Văn bản chứng nhận theo lời khai nhân chứng;*
- *Giấy chứng nhận chuyển nhượng tài sản, nếu có;*
- *Giấy xác nhận sở hữu bất động sản, nếu người chết để lại bất động sản;*
- *Tờ khai tài sản thừa kế cho cơ quan thuế.*

2. Trường hợp thứ hai, thủ tục thừa kế trong đó tài sản thừa kế được chuyển cho người vợ (hoặc chồng) của người đã chết dưới hình thức di tặng, và cho nhiều người con đã đến tuổi thành niên. Trong trường hợp này, công chứng viên phải lập ra những văn bản sau:

- *Văn bản chứng nhận theo lời khai nhân chứng hoặc bản kê khai tài sản;*
- *Giấy chứng nhận văn bản cho tặng giữa vợ và chồng, nếu người vợ hoặc chồng còn sống được hưởng tài sản di tặng của người chồng hoặc vợ đã chết, điều này xảy ra trong khoảng 80% số trường hợp thừa kế trên thực tế ở Pháp;*
- *Tờ khai tài sản thừa kế cho cơ quan thuế, nếu tài sản thừa kế nhận được có giá trị lớn hơn 100.000 quan;*
- *Giấy cam đoan của những người thừa kế trong đó thể hiện sự chấp thuận của họ đối với việc thực hiện di tặng, nếu những người thừa kế không phản đối việc di tặng;*

- Giấy xác nhận quyền sở hữu bất động sản, nếu bất động sản thuộc quyền sở hữu của người chết hoặc người này là đồng sở hữu;
- Tờ khai về quyết định của người vợ hoặc chồng còn sống đối với số tài sản được di tặng giữa vợ và chồng;
- Biên bản thanh lý và phân chia tài sản vợ chồng và tài sản thừa kế;
- Giấy xác nhận chuyển nhượng tài sản.

3. Trường hợp tài sản thừa kế được chia theo di chúc cho nhiều người thừa kế trong đó có những người chưa đến tuổi thành niên. Trong trường hợp này, công chứng viên lập những văn bản sau đây:

- Biên bản nhận giữ di chúc;
- Văn bản chứng nhận theo lời khai nhân chứng;
- Quyết định trao quyền chiếm hữu tài sản cho người hưởng thừa kế hoặc người được di tặng;
- Quyết định của thẩm phán phụ trách giám hộ về việc chấp nhận tài sản thừa kế;
- Tờ khai tài sản thừa kế cho cơ quan thuế;
- Giấy xác nhận có quyết định của thẩm phán phụ trách giám hộ cho phép chia tài sản thừa kế;
- Biên bản phân chia di sản theo thỏa thuận;
- Biên bản ghi nhận việc những người thừa kế đã đọc và đã chấp thuận (hoặc phản đối) việc chia di sản theo di chúc;
- Quyết định của Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng phê chuẩn việc phân chia di sản;
- Giấy xác nhận quyền sở hữu bất động sản.

III. Bài tập tình huống

Bà X đến gặp công chứng viên thông báo về việc chồng bà là ông Y, 67 tuổi, vừa qua đời. Hai vợ chồng bà cưới nhau đã được 35 năm theo chế độ tài sản chung theo pháp luật đối với các tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân.

Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng bà đã có chung với nhau ba người con là A (32 tuổi), B (29 tuổi) và C (27 tuổi). Cũng trong thời gian này, hai vợ chồng bà đã cùng nhau mua một ngôi nhà tại thành phố Lyon trị giá 3 triệu quan. Bà X

đã nhận thừa kế là động sản từ mẹ, trị giá 700.000 quan, điều này được xác nhận trong tờ khai tài sản thừa kế. Tài khoản ngân hàng chung của hai vợ chồng vào ngày ông Y chết còn lại 100.000 quan. Bà X còn cho biết rằng hai vợ chồng bà đã lập một hợp đồng cho tặng, theo đó ông Y cam kết cho tặng bà X (nếu bà chết sau ông) tất cả hoa lợi thu được từ số di sản ông để lại.

Hãy phân chia di sản thừa kế theo tỷ lệ quyền của mỗi người và chỉ ra những văn bản công chứng viên sẽ phải lập khi tiến hành chia thừa kế./.



SOURCE: Tài liệu Lớp Đào tạo nghiệp vụ công chứng (Khóa 5)

*Đồng tổ chức: Nhà Pháp luật Việt – Pháp, Học viện Tư pháp
Khoa Luật – Đại học Jean Moulin Lyon 3 và Hội đồng Công chứng tối cao Pháp
Hà Nội, 11-16/01/2005*

Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt – Pháp